

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K1
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K1, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K1, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K1, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu dân cư Tây Sơn, phường H1, thị xã K1, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 3A, phường M1, thị xã C1, tỉnh B1.

Anh T có mặt, Chị B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị B vào ngày 16/02/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (*Viết tắt: UBND*) xã H1 - Nay là phường H1, thị xã K1, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên Chị B đã về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ 10, Ấp 3A, phường M1, thị xã C1, tỉnh B1 sống ly thân với anh từ tháng 10/2009 đến nay. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và độc lập về kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Lê Thị B.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn-chị Lê Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T vào ngày 16/02/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1-Nay là phường H1, thị xã K1. Sau ngày cưới chị về gia đình anh T chung sống. Quá trình chung sống đến tháng 10/2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn càng tăng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ 10, Ấp 3A, phường M1, thị xã C1, tỉnh B1 sống ly thân với anh T từ tháng 10/2009 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài nên đồng ý ly hôn. Do điều kiện ở xa, việc đi lại đến Tòa án gặp rất nhiều khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai, ông Hoàng Văn T2 trình bày: Ông là bố đẻ anh Hoàng Văn T, chị Lê Thị B là con dâu ông. Anh T trước đây vào trong miền nam lao động rồi quen và yêu Chị B. Năm 2009 hai anh chị làm thủ tục kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã H1. Sau ngày cưới, anh T, Chị B chung sống với nhau được khoảng hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của anh chị không hợp nhau. Anh T, Chị B đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2009 đến nay, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Hai bên gia đình thông gia cũng không có phương án nào để động viên anh chị quay về đoàn tụ. Nay anh T làm đơn yêu cầu ly hôn Chị B, quan điểm của ông xác định hai anh chị đã ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, không có khả năng về đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để tạo lập cuộc sống mới; anh T, Chị B không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không có tài sản cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND thị xã K1 phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (*Viết tắt là: HĐXX*) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Về

quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Lê Thị B; về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Anh Hoàng Văn T khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn-chị Lê Thị B có địa chỉ tại: Tổ 10, Ấp 3A, phường M1, thị xã C1, tỉnh B1. Tuy nhiên, đương sự có đơn lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*Viết tắt là: BLTTDS*).

[1.2]. *Về áp dụng thủ tục rút gọn*: Do vụ án có tính chất đơn giản, các đương sự có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng, đều thống nhất ly hôn và không có tranh chấp nào khác, căn cứ các điều: 316, 317 BLTTDS Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Lê Thị B vào ngày 16/02/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 - nay là phường H1, thị xã K1. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T, Chị B chung sống với nhau được khoảng 08 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh T, Chị B đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2009 đến nay. Vợ chồng độc lập về kinh tế, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T, Chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn Chị B.

[3]. *Quan hệ về con chung, tài sản chung*: Anh T, Chị B không có con và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147, các điều: 271 và 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Lê Thị B.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K1 theo Biên lai số AA/2021/0002041 ngày 16/01/2023. Anh Hoàng Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 (*Bảy*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 (*Bảy*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K1;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã K1;
- UBND phường H1 (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân